

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng  
quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/2008/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 02/4/2003 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì; Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 614/TTr-SXD ngày 12/10/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì.

2. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Lương Hạ; Phía Đông giáp xã Kim Lư; Phía Tây giáp xã Lương Hạ và xã Kim Lư; Phía Nam giáp xã Lam Sơn và xã Kim Lư.

Phạm nghiên cứu: 421,45 ha (diện tích đất tự nhiên của thị trấn).

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 330ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỉ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỉ lệ bản đồ 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch:

4.1. Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm tổng hợp về kinh tế, hành chính, văn hoá, giáo dục đào tạo, dịch vụ của huyện Na Rì.

4.2. Chức năng: Là đô thị hạt nhân (đô thị loại V) có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vùng huyện Na Rì.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Kinh tế thương mại đối ngoại (thông thương với cửa khẩu Pò Mã – Lạng Sơn), du lịch, dịch vụ thương mại và công nghiệp chế biến nông, lâm sản; Là đầu mối giao thông phía Đông của tỉnh với tỉnh Lạng Sơn, đồng thời là trung tâm tiểu vùng kinh tế phía Đông của tỉnh.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số: Hiện trạng dân số thị trấn Yên Lạc năm 2010 = 3.396 người.

Dự báo dân số: Năm 2015 = 3.800 người; Năm 2020 = 4.100 người; Năm 2030 = 5.000 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất đô thị:

Quy mô lập quy hoạch đô thị = 330ha

Quy mô sử dụng đất để xây dựng đô thị: Năm 2010 = 64,74ha; Năm 2020 = 115,09ha; Năm 2030 = 169,61 ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Căn cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì; Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của Đồ án quy hoạch như sau:

Hạng mục	Giai đoạn 2011 - 2020	Giai đoạn 2020 -2030
I- Đất xây dựng đô thị	120 ÷ 150 m <sup>2</sup> / người.	100 ÷ 120 m <sup>2</sup> / người.
* Đất dân dụng	70 ÷ 80 m <sup>2</sup> / người.	60 ÷ 70 m <sup>2</sup> / người.
- Đất ở	40 ÷ 50 m <sup>2</sup> / người.	30 ÷ 35 m <sup>2</sup> / người.
- Đất công trình công cộng	12 ÷ 14 m <sup>2</sup> / người.	14 ÷ 15 m <sup>2</sup> / người.
- Đất cây xanh, TĐTT	4 ÷ 5 m <sup>2</sup> / người.	5 ÷ 6 m <sup>2</sup> / người.
- Đất giao thông	9 ÷ 11 m <sup>2</sup> / người.	11 ÷ 14 m <sup>2</sup> / người.
II- Các chỉ tiêu HT – KT		
- Cấp điện	330 W/ người.	500 W/ người.
- Cấp nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Thoát nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Rác thải	0,8 kg/người / ngày đêm	1 kg/người / ngày đêm
- Tỷ lệ giao thông / đất ĐT	20 %	20 - 23%
- Mật độ mạng đường chính đô thị	5 ÷ 6 Km/Km <sup>2</sup>	6,5 ÷ 7,5 Km/Km <sup>2</sup>

## 7. Định hướng phát triển đô thị:

### 7.1. Hướng phát triển đô thị.

Trên cơ sở quy hoạch xây dựng được phê duyệt năm 2003, hướng phát triển đô thị chủ yếu dọc theo đường QL3B đi qua nội thị (đường ĐT256 cũ) và nằm chủ yếu trong phạm vi ranh giới hành chính của thị trấn Yên Lạc. Ngoài việc xây dựng nâng cấp, chỉnh trang khu trung tâm hiện có; Nay điều chỉnh mở rộng chủ yếu về phía Đông, phía Tây và một phần phía Bắc của thị trấn.

+ Phía Bắc mở rộng đến Ngã Ba đường đi xã Văn Học và xã Cường Lợi (thuộc đất xã Lương Hạ).

+ Phía Đông mở rộng đến trục đường QL3B mới (thuộc đất xã Kim Lư).

+ Phía Tây mở rộng giáp sông Bắc Giang (có một phần đất thuộc xã Lam Sơn).

### 7.2. Nguyên tắc quy hoạch sử dụng đất.

Tận dụng đất đô thị hiện có và khai thác quỹ đất hiệu quả, phù hợp với từng khu chức năng đô thị.

Hạn chế lấy đất nông nghiệp để xây dựng, đặc biệt là đất ruộng lúa.

Hạn chế lấy đất ở các khu dân cư đông đúc hiện có mật độ xây dựng cao để quy hoạch xây dựng các công trình, nhằm tránh giải phóng mặt bằng và tái định cư gây xáo trộn đời sống của nhân dân; Chủ yếu là chỉnh trang đô thị.

Sắp xếp, điều chỉnh lại các quỹ đất theo quy hoạch nhằm sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn sử dụng đất. Đồng thời dành các quỹ đất tại các vị trí thuận lợi, ở các trục đường trung tâm đô thị để cho các tổ chức, doanh nghiệp, kinh doanh, dịch vụ góp phần phát triển kinh tế đô thị.

### 7.3. Định hướng tổ chức không gian đô thị.

Trục chính đô thị chạy dọc theo đường ĐT256 cũ đi qua trung tâm thị trấn từ ngã 3 đường QL3B tránh phía Đông (km52 + 300) đến ngã 3 đi Văn Học (km58 + 560); lộ giới 27m.

Cấu trúc không gian đô thị sẽ tạo 02 không gian chính (ở phía Bắc và phía Nam sông Bắc Giang), bao gồm những công trình chức năng cơ bản sau:

+ Khu vực phía Bắc: Tổ chức bố trí các công trình truyền thống lịch sử - văn hóa, công trình thể dục thể thao, chợ đầu mối, bến xe và các cơ quan hành chính của huyện.

+ Khu vực phía Nam: Bố trí các công trình y tế, giáo dục - đào tạo, các cơ quan ban ngành, các khối kinh tế kỹ thuật và dịch vụ.

### 7.4. Các phân khu chức năng.

Các điểm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Theo định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, thị trấn Yên Lạc chỉ hình thành điểm tiểu thủ công nghiệp không ảnh hưởng đến môi trường như: Làm đồ lưu niệm truyền thống, đồ trang sức phục vụ du lịch vv...Nên có thể bố trí ngay trong khu trung tâm thị trấn tại các hộ gia đình.

Công trình cơ quan làm việc: Các công trình trụ sở cơ quan cơ bản ổn định tại vị trí cũ hiện trạng với tổng diện tích đất sử dụng khoảng 3,7ha. Một số cơ quan điều chỉnh sang

vị trí mới như Huyện ủy-HĐND-UBND huyện chuyển về vị trí mới cạnh nhà khách huyện hiện nay với diện tích quy hoạch khoảng 10.200m<sup>2</sup>; vị trí cũ dành cho phòng giáo dục-đào tạo và trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện; Chi cục thuế chuyển về phía Bắc đầu cầu Hát Deng, vị trí cũ dành cho trụ sở UBND thị trấn Yên Lạc; Đài phát sóng, do vị trí cũ chật hẹp và không an toàn, nên chuyển về vị trí mới tại Pò Bản Bia. Về tổ chức không gian đối với các trụ sở cơ quan xây dựng mới, tầng cao xây dựng  $\geq 3$  tầng; Mật độ xây dựng  $\leq 60\%$  để tạo sân vườn, cảnh quan kiến trúc.

#### Trường học:

+ Trường mầm non, hiện nay có 02 trường giữ nguyên vị trí cũ; Tới năm 2020 sẽ có 04 trường và năm 2030 có 06 điểm trường được xây dựng tại các vị trí quy hoạch công trình công cộng và đất dự trữ phát triển (diện tích cho 01 điểm trường  $\geq 5000m^2$ ; chiều cao không quá 02 tầng).

+ Trường tiểu học, hiện tại có 01 trường tiểu học; Năm 2020 sẽ có 02 trường (mở mới thêm 01 trường ở phía Nam); đến năm 2030 bố trí thêm 01 trường tại khu đất dự trữ phát triển (diện tích đất cho 01 trường  $\geq 5000m^2$ ).

+ Trường THCS: Hiện nay có 01 trường ở phía Bắc; Năm 2020 sẽ xây dựng thêm 01 trường ở phía Nam (diện tích đảm bảo  $\geq 8000m^2$ ).

+ Trường THPT: Hiện có 01 trường được quy hoạch với diện tích 4,5ha; Đáp ứng nhu cầu xây dựng trường chuẩn quốc gia.

+ Trường dạy nghề: Dự kiến quy mô đào tạo 300 ÷ 400 học sinh/năm; Được bố trí ở phía Bắc, giáp khu trung tâm văn hóa thể thao, diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup>.

+ Khu trung tâm giáo dục thường xuyên: Bố trí cùng phòng giáo dục ở vị trí UBND huyện cũ.

Y tế: Bệnh viện đa khoa mới, được xây dựng ở phía Đông thị trấn, giáp xã Kim Lư, có quy mô 100 giường.

Khu văn hóa, thể thao của thị trấn, bố trí khu văn hóa 3,3ha và lồng ghép với khu truyền thống, lịch sử của Huyện tại phía Bắc thị trấn; Khu thể thao (gồm Trung tâm thể dục, thể thao sân luyện tập cơ bản, diện tích sử dụng đất 4,4ha sân vận động thị trấn khoảng 3ha) sẽ bố trí ở phía Bắc trên phần đất xã Lương Hạ.

#### Thương mại, dịch vụ:

+ Chợ thị trấn Yên Lạc giữ nguyên ở vị trí cũ là chợ đầu mối của huyện, diện tích quy hoạch là 10.322m<sup>2</sup>. Dự kiến mở thêm 01 chợ ở khu vực phía Nam (tại ngã 3 đường tránh QL3B) quy hoạch diện tích khoảng 14.728m<sup>2</sup>; Trung tâm thương mại xây dựng ở khu vực phía Bắc đầu cầu Hát Deng.

+ Bến xe khách giữ nguyên vị trí cũ, quy mô sử dụng đất là 6.470m<sup>2</sup>. Dự kiến mở mới 01 bến xe khách ở phía Nam, diện tích 9414m<sup>2</sup> (tại ngã ba đường tránh QL3B).

Nhà ở: Căn cứ điều kiện thực tế của thị trấn Yên Lạc và tình hình phát triển dân số địa phương; diện tích đất để xây dựng nhà ở gồm 04 loại sau:

+ Đất ở mật độ cao: 80 ÷ 100m<sup>2</sup>/hộ.

+ Đất ở mật trung bình: 120 ÷ 160m<sup>2</sup>/hộ.

+ Đất ở mật thấp: 160 ÷ 200m<sup>2</sup>/hộ.

+ Đất ở biệt thự, nhà vườn: 200 ÷ 400m<sup>2</sup>/hộ.

Nhà ở xã hội: Dự kiến xây dựng tại trung tâm thị trấn với diện tích khoảng 7000m<sup>2</sup> chiều cao công trình không vượt quá 06 tầng để giải quyết chính sách nhà ở xã hội trong đô thị.

#### 8. Cơ cấu sử dụng đất:

Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng của thị trấn được kế thừa của quy hoạch chung phê duyệt năm 2003 và được điều chỉnh, bổ sung trong các giai đoạn như sau:



**BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Dài hạn 2020		Định hướng 2030	
		ha	%	ha	%	ha	%
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NGHIÊN CỨU (A+B)</b>	345	100	345	100	345	100
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng Đô thị</b>	65.74	19.06	114.09	33.36	158.41	45.916
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>	59.77	17.32	97.68	28.31	146.72	42.528
1	Đất ở	21.52	6.24	42.42	12.30	47.61	13.800
2	Hệ thống Giáo dục- đào tạo	6.86	10.44	11.07	3.21	11.07	3.210
3	Hệ thống Y tế	2.75	4.60	3.31	0.96	3.31	0.960
4	Trung tâm Văn hóa - TDTT	1.16	5.39	6.36	1.84	19.13	5.540
5	Chợ - Thương mại	2.31	33.67	3.09	0.90	3.09	0.900
6	Dịch vụ công cộng đô thị khác	4.07	148.00	3.6	1.04	5.73	1.660
7	Đất cây xanh sinh thái cảnh quan	--	--	5.49	1.59	13.61	3.940
8	Đất giao thông đối nội	17.4	753.25	17.56	5.09	38.39	11.128
9	Đất cơ quan	3.7	90.91	4.78	1.39	4.78	1.390
<b>II</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	5.97	1.73	16.41	4.76	11.69	7.670
1	Đất quân sự	1.38	7.93	1.5	0.43	1.5	0.430
2	Giao thông đối ngoại	3.6	97.30	12.49	3.62	7.77	5.150
3	Đất kho tàng	0.09	1.51	1	0.29	1	0.290
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0.9	65.22	1.42	0.41	1.42	0.410
<b>B</b>	<b>Đất khác</b>	279.26	7757.22	229.91	66.64	182.06	50.840
1	Đất dự trữ phát triển	--	--	19.27	5.59	19.27	5.590
2	Đất nghĩa trang	0.33	36.67	0.33	0.10	7	2.029
3	Đất sông suối, mặt nước	9.39	3.36	6.48	1.88	6.48	1.880
4	Đất nông nghiệp	269.54	78.13	203.83	59.08	149.31	43.280





## 9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

### 9.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (san nền).

Quan điểm: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên; Thiết kế san nền theo nguyên tắc tự chảy và cân bằng đào đắp; Kết hợp hài hòa giữa khu vực xây dựng mới với khu vực hiện trạng.

Giải pháp: Tôn tạo quỹ đất xây dựng đô thị nhưng cố gắng giữ được địa hình cảnh quan thiên nhiên, đô thị miền núi; Xác định cao độ khống chế của thị trấn Yên Lạc là  $H \geq 232,00\text{m}$ ; Giải pháp san nền là đào đắp cục bộ các khu vực xây dựng mới, giữ nguyên hiện trạng và chỉnh trang lại các khu dân cư hiện có, đồng thời cải tạo lại các khu vực trung tâm thị trấn cho phù hợp với mạng lưới đường giao thông nội thị.

Định hướng thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế hệ thống riêng; Khu vực quy hoạch được chia làm hai lưu vực chính (gồm phía Bắc và phía Nam sông Bắc Giang); Nước mưa được thu thoát xuống rãnh thoát nước sau đó theo cống đổ ra sông Bắc Giang (cửa xả dưới chân cầu Hát Deng); Mạng lưới thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và tuyến cống đặt trên các trục đường giao thông có độ dốc dọc  $I = 0,3\%$ .

### 9.2. Quy hoạch giao thông.

Giao thông đối ngoại: Tuyến đường tránh thị trấn phía Đông (QL3B), có chiều dài khoảng 06km, có lộ giới tổng cả đường gom là 46m.

Giao thông đô thị: Đường trục chính đô thị (đường ĐT256 cũ) hướng Bắc Nam suốt dọc thị trấn, có chiều dài 05km, lộ giới 27m; Đường đôi trung tâm, có chiều dài khoảng 500m, lộ giới 25m; Đường đôi khu vực, có chiều dài khoảng 250m, lộ giới 22m; Đường khu vực, có chiều dài khoảng 02km, lộ giới 17m; Đường phân khu vực bao gồm 02 loại đường có lộ giới 13,5m và 11,5m.

Bến xe khách: Hiện trạng bến xe khách có diện tích  $2.565\text{m}^2$ , sẽ mở rộng thêm để đảm bảo diện tích lớn hơn  $6.000\text{m}^2$  theo tiêu chuẩn. Đồng thời dự kiến sẽ xây dựng thêm bãi đỗ xe phía Nam thị trấn.

### 9.3. Quy hoạch cấp nước:

Tổng nhu cầu cấp nước giai đoạn 2010 - 2020 là  $500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ; Giai đoạn 2020 - 2030 là  $750\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### Nguồn cấp nước:

+ Nguồn nước ngầm: Tại các giếng khoan hiện nay đang khai thác; Cải tạo các trạm bơm nước ngầm hiện có.

+ Nguồn nước mặt: Sẽ lấy nước mặt sông Tả Pìn về khu xử lý và đầu nối chung với hệ thống cấp nước của thị trấn, đảm bảo an toàn cấp nước chung cho khu vực.

Mạng lưới cấp nước: Gồm các tuyến ống cấp 1, 2, 3 bố trí đi ngầm trên hè đường giao thông đô thị.

Hạng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống cấp nước có đường kính từ D100 trở lên và khoảng 200m bố trí một trụ.

### 9.4. Quy hoạch cấp điện:

Nhu cầu công suất phụ tải điện: Giai đoạn I (2010 - 2015) = 2029,14KVA; Giai đoạn II (2020 - 2030) = 3636,73KVA.

### Định hướng cấp điện:

+ Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện Quốc gia cung cấp thông qua trạm 110 KVA - E26,1 Bắc Kạn; Lưới điện, dùng lưới nguồn 35kv, nhánh tuyến điện nổi 35kv đi qua trung tâm thị trấn tương lai sẽ bố trí đi ngầm.

+ Trạm biến áp 35/0,4kv: Công suất và vị trí các trạm biến áp phân phối 35/0,4kv được tính toán và bố trí tại các vị trí theo phụ tải đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Lưới hạ áp 0,4kv: Cải tạo các đường dây 0,4 kv có tiết diện chưa đảm bảo cung cấp điện và bố trí các tuyến mới theo quy hoạch; Đường dây 0,4kv bố trí đi nổi dùng cáp theo tiêu chuẩn.

+ Lưới chiếu sáng: Trục chính và các tuyến đường trong đô thị. bố trí đi ngầm dùng cáp theo tiêu chuẩn.

### 9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

#### Thoát nước thải:

+ Tổng lượng nước thải cần thu gom xử lý (giai đoạn I (2010–2020): 343m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn II (2020-2030): 650m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hệ thống nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

+ Đối với nước thải bệnh viện và nước thải công nghiệp tiểu thủ công nghiệp sẽ được đầu tư xử lý riêng.

Quản lý thu gom xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom ở các nơi tập kết và chuyển về khu vực trung chuyển (dự kiến 02 khu trung chuyển ở phía Bắc và phía Nam). Sau đó vận chuyển rác đến khu xử lý, tại khu Vàng Tráng xã Kim Lư cách trung tâm đô thị khoảng 3,5km với quy mô sử dụng đất khoảng 05-07ha, quy trình xử lý chủ yếu giai đoạn đầu là chôn lấp hợp vệ sinh.

Nghĩa trang: Dự kiến xây dựng nghĩa trang nhân dân tại Thôm Pục, giáp thôn Khuổi Pục, xã Kim Lư (ở phía Tây Nam thị trấn) cách QL3B khoảng 01km, với quy mô sử dụng đất khoảng 07ha.

### 10. Các quy định về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:

Yêu cầu khai thác tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế san ủi, tránh phá vỡ môi trường tự nhiên sinh thái. Hạn chế sử dụng đất nông nghiệp.

Quy hoạch xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước theo hướng nhiều tầng để tiết kiệm đất xây dựng; Kiến trúc hiện đại, kết hợp với bản sắc dân tộc, đảm bảo phù hợp với kiến trúc cảnh quan thiên nhiên của khu vực và phong tục tập quán địa phương; Đồng thời kế thừa các công trình kiến trúc cũ đã có và chỉnh trang mới cho phù hợp.

Quá trình lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cần tuân thủ quy hoạch chung đã phê duyệt.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ theo đúng quy hoạch được duyệt về chức năng khu đất, chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi, mật độ xây dựng, cao độ san nền khống chế, chiều cao công trình...và quản lý việc xây dựng đô thị theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

### 11. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Thị trấn Yên Lạc là trung tâm huyện lỵ; trung tâm hành chính, văn hóa, kinh tế, thương mại, dịch vụ của huyện Na Rì; Do vậy về an ninh quốc phòng theo cơ cấu là có

đất đóng quân của Ban chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện. Ngoài ra còn một số vị trí thao trường nằm trên địa bàn và chủ yếu theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Còn các vị trí địa hình quan trọng của thị trấn theo quy hoạch chủ yếu một số điểm cao xung quanh thị trấn đã được xác định và thỏa thuận, quy hoạch bãi tập quân sự ở khu vực Bàn Pò phía Tây thị trấn.

## 12. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình vận hành công trình nhằm bảo vệ môi trường không khí, nước, đất, xử lý nước thải, rác thải.

Có biện pháp xử lý an toàn về sử dụng hóa chất, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện v.v..

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan sát, quan trắc môi trường nhằm phát hiện và đưa ra các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

## 13. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

Về mục tiêu: Giải quyết các vấn đề cấp bách trong đô thị để phục vụ cho cải tạo phát triển, cải thiện điều kiện môi trường đô thị; Xác định thứ tự ưu tiên các công trình đầu tư xây dựng làm căn cứ quản lý xây dựng thực hiện quy hoạch giai đoạn 2010-2015, giai đoạn 2015-2020 và định hướng 2030.

Về nguyên tắc: Sau khi Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, sẽ triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị các khu chức năng để làm cơ sở quản lý thực hiện xây dựng theo quy hoạch; Ưu tiên xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển đô thị.

### Phân đợt quy hoạch xây dựng:

+ Giai đoạn I: Từ năm 2010 – 2015.

+ Giai đoạn II: Từ năm 2015 – 2020.

+ Giai đoạn III: Từ năm 2020 - 2030.

### 13.1. Dự kiến quy hoạch xây dựng giai đoạn I:

Các dự án công trình hạ tầng xã hội: Trụ sở hợp khối Huyện ủy-HĐND-UBND huyện (tại vị trí quy hoạch phía Bắc giáp khu nhà khách Huyện và khu Truyền thống lịch sử, văn hóa); Trụ sở Chi cục thuế Na Rì ở vị trí mới; Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện; Trung tâm văn hóa đô thị; Khu Tái định cư chia lô ở khu chợ cũ (đã có dự án); Khu nhà ở xã hội; Trụ sở UBND thị trấn tại vị trí mới (Chi cục thuế cũ); Quy hoạch chi tiết khu truyền thống lịch sử - văn hóa huyện Na Rì; Quy hoạch chi tiết khu phía Bắc sông Bắc Giang; Quy hoạch phân khu khu phía Nam thị trấn

Các dự án hạ tầng kỹ thuật: Hoàn chỉnh cải tạo nâng cấp đường trục chính đi qua đô thị (đường 256 cũ) dài 05km, lộ giới 27m; Thi công xong đường tránh QL3B đi phía Đông thị trấn theo dự án QL3B của Bộ Giao thông Vận tải; Mở rộng bên xe hiện có ở phía Bắc đạt tiêu chuẩn  $\geq 6000m^2$ ; Xây dựng lại Trạm phát sóng của Đài phát thanh truyền hình huyện tại vị trí quy hoạch; Xây dựng xong Trạm cấp nước mặt tại sông Tà Pìn đảm bảo công suất theo chương trình cấp nước các thị trấn của Phần Lan và cải tạo nâng cấp các trạm bơm nước ngầm

hiện nay đáp ứng cấp nước sinh hoạt cho toàn thị trấn theo các giai đoạn; Di dời trạm biến áp Phố Cổ 1, trạm biến áp Lương Hạ 2 ra vị trí mới, cải tạo di chuyển hướng đường dây 35kv và tuyến điện 0,4 kv theo quy hoạch; Hoàn thiện xây dựng các bể xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải theo chương trình của Phần Lan; Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải và trạm trung chuyển theo quy hoạch; Quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng khu nghĩa trang đô thị tại vị trí quy hoạch.

### 13.2. Dự kiến quy hoạch xây dựng giai đoạn II:

Các dự án công trình hạ tầng xã hội: Xây dựng hoàn thiện các trụ sở cơ quan còn thiếu; Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao của đô thị; Xây dựng các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở ở phía Nam; Đầu tư xây dựng khu Truyền thống lịch sử - văn hóa huyện; Xây dựng các khu dân cư theo quy hoạch.

Các dự án Hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng các trục đường nội thị theo quy hoạch; Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cấp nước theo quy hoạch; Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải; Hoàn chỉnh hệ thống cấp điện đô thị, bổ sung xây dựng thêm các trạm biến áp và đường dây 0,4kv kết hợp với điện chiếu sáng đô thị; Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn; Hoàn chỉnh Nghĩa trang đô thị; Xây dựng mới và cải tạo một số công trình đầu mối Hạ tầng kỹ thuật khác (như bến xe, chợ... ở phía Nam thị trấn).

13.3. Nguồn lực thực hiện: Tập trung huy động mọi nguồn lực (nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn vay, vốn vay tài trợ, vốn vay huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; Vốn Nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp xây dựng công trình công cộng, kinh doanh, dịch vụ...).

14. Tổng kinh phí lập đề án quy hoạch: 1.328.604.000đồng. (Một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm linh bốn nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát lập bản đồ địa hình: 623.269.941đồng.

+ Lập, điều chỉnh QH chung xây dựng: 705.333.791đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 614/TTr-SXD ngày 12/10/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đề án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đề án quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì.

15. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đề án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì được Sở Xây dựng thẩm định và lưu tại các cơ quan, đơn vị sau:

Cơ quan thẩm định Sở Xây dựng: 03 bộ (01 bộ trình UBND tỉnh phê duyệt).

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Kho bạc nhà nước tỉnh, Sở Văn hóa TT&DL: Mỗi đơn vị 01 bộ.

UBND thị trấn Yên Lạc: 01 bộ.

Số bộ hồ sơ còn lại do UBND huyện Na Rì (chủ đầu tư) lưu giữ và quản lý.

Tổng số: 15 bộ (12 bộ đen trắng và 03 bộ màu).

Phân lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch ghi tại Quyết định này thay thế phân lưu trữ hồ sơ ghi tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì.

**Điều 2. Phân giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện Na Rì: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt, tổ chức công bố quy hoạch, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa và tổ chức lập quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Na Rì và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (18b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Du**

100

